

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 315/2018/HC-PT

Ngày: 21 - 8 - 2018

V/v khiếu kiện: “Quyết định
hành chính trong lĩnh vực quản
lý đất đai”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Các Thẩm phán:

Ông Huỳnh Sáng

Ông Nguyễn Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiểu Phương Quyền - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hồ Sỹ Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 289/2018/TLPT-HC ngày 14 tháng 6 năm 2018 về khiếu kiện “Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai” .

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 95/2018/HC- ST ngày 19 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1038/2018/QĐ - PT ngày 01 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1951 (*vắng mặt*).

Địa chỉ: Số 17, đường số 13, khu dân cư N, ấp 4, xã A, huyện B, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Phước B, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp 5, xã A, huyện B, tỉnh Long An (Theo giấy ủy quyền ngày

20/8/2018) (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đ: Luật sư Cao Thanh T – thuộc đoàn Luật sư tỉnh Long An. (có mặt).

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân huyện B (có đơn xin vắng mặt);

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn T1– chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thành U, chức vụ Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B. (Theo văn bản ủy quyền số 1802/UQ-UBND ngày 03/8/2018 (có đơn xin vắng mặt ngày 06/8/2018).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện B: Ông Đặng Hoàng P– chức vụ Phó trưởng phòng Tài nguyên môi trường huyện B. (có mặt).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Công ty Cổ phần đầu tư N.

Địa chỉ: Số 06, đường N1, phường T2, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Tấn V, sinh năm 1979 (Theo giấy ủy quyền số 21/2017/UQ-NL ngày 30/10/2017) (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Ủy ban nhân dân huyện B là người bị kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và phân trình bày của người khởi kiện trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa như sau:

Bà Phạm Thị Đ (là người thừa kế quyền, nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn N2) khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các Quyết định hành chính sau: Quyết định số 4273/QĐ-UBND ngày 19/9/2007 “Về việc thu hồi đất ông Nguyễn Văn N2 để đầu tư xây dựng công trình khu dân cư đô thị sinh thái N tại xã A”; Quyết định số 5187/QĐ-UBND ngày 22/9/2007 “Về việc phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về đất và tài sản trên đất của ông Nguyễn Văn N2 để thu hồi đất xây dựng công trình khu dân cư đô thị sinh thái xã A”; Quyết định số 2955/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 “Về việc hỗ trợ bổ sung từ đất vườn thành đất thổ đối với trường hợp của bà Phạm Thị Đ (vợ ông Nguyễn Văn N2 đã chết)” của Ủy ban nhân dân huyện B (sau đây viết tắt là UBND); Quyết định số 6713/QĐ-UBND ngày 16/8/2017 “Về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị Đ” của Chủ tịch UBND huyện B; Bà Đ yêu cầu UBND huyện B ban hành quyết định

bồi thường mới cho bà Đ theo đơn giá đất thực tế phù hợp với loại đất thu hồi tại thời điểm ban hành.

Lý do khởi kiện: Năm 2007 khi Ủy ban thu hồi đất của ông N2 (chồng bà Đ, chết năm 2013) thì bồi thường nhằm 1384m² đất thổ thành đất vườn, năm 2017 Ủy ban mới ban hành quyết định hỗ trợ bổ sung theo mức giá đất thổ năm 2007 là thấp, không phù hợp.

Thời điểm năm 2007 khi thu hồi, bồi thường thì ông N2 không biết có sai sót nên không có khiếu nại gì, đến năm 2011 ông N2 phát hiện nên đã có đơn khiếu nại, Ủy ban đã có biên bản xác minh năm 2011 xác định việc bồi thường nhằm đất thổ thành đất vườn.

Người bị kiện UBND huyện B vắng mặt, tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày: UBND huyện B không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Đ, vì không có cơ sở xem xét, cụ thể:

Dự án khu dân cư N triển khai năm 2007, đã giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty Cổ phần đầu tư N. Ông N2 đã nhận quyết định bồi thường và đã nhận tiền bồi thường cùng năm 2007 mà không có khiếu nại gì. Sau đó ông N2 chết, bà Đ khiếu nại thì đã hết thời hiệu nhưng theo chỉ đạo của UBND tỉnh Long An tại văn bản số 3803/UBND-TCD ngày 21/9/2016 và văn bản số 600/UBND-TCD ngày 16/02/2017 nên UBND huyện B mới ban hành quyết định hỗ trợ bổ sung cho bà Đ chứ không có quyết định nào điều chỉnh đất vườn thành đất thổ.

Mức hỗ trợ bổ sung này là mức chênh lệch từ đất vườn thành đất thổ theo mức giá năm 2007 là đúng quy định. Nay người khởi kiện yêu cầu theo giá tại thời điểm hiện tại là không chấp nhận.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần đầu tư N trình bày:

Công ty Cổ phần đầu tư N là đơn vị thực hiện chi trả tiền bồi thường và đã thực hiện theo đúng quyết định của UBND huyện B về mức giá hỗ trợ bồi thường cho bà Phạm Thị Đ (là người thừa kế của ông Nguyễn Văn N2). Mức hỗ trợ bồi thường bổ sung này là theo đúng chính sách bồi thường hỗ trợ tái định cư tại thời điểm thu hồi đất (tức là như chế độ của những người được hỗ trợ bồi thường thu hồi đất thổ tại thời điểm đó). Năm 2007 khi nhận quyết định thu hồi đất và quyết định bồi thường hỗ trợ thì ông N2 không có ý kiến gì, đã đồng ý nhận tiền và giao đất xong. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Đ.

Tại Bản án hành chính số 95/2018/HC-ST ngày 19 tháng 4 năm 2018, Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã quyết định:

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Đ về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 4273/QĐ-UBND ngày 19/9/2007 và Quyết định số 5187/QĐ-UBND ngày 22/9/2007 của Ủy ban nhân dân huyện B.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Đ về việc yêu cầu hủy Quyết định số 2955/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc hỗ trợ bổ sung từ phần đất vườn thành đất thổ đối với trường hợp của bà Đ và Quyết định số 6713/QĐ-UBND ngày 16/8/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị Đ.

Tuyên hủy Quyết định số 2955/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc hỗ trợ bổ sung từ phần đất vườn thành đất thổ đối với trường hợp của bà Đ và hủy Quyết định số 6713/QĐ-UBND ngày 16/8/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị Đ.

Buộc UBND huyện B phải ban hành quyết định bồi thường bổ sung từ đất vườn thành đất thổ cho bà Phạm Thị Đ theo giá tại thời điểm ban hành quyết định.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 10/5/2018, UBND huyện B kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm, với lý do: Không đồng ý với nội dung của bản án hành chính sơ thẩm, đề nghị hủy án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND huyện B vẫn giữ nguyên kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị sửa án, bác yêu cầu khởi kiện của bà Đ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND huyện B trình bày:

UBND huyện B hỗ trợ không phải bồi thường vì UBND huyện B đã thu hồi đất năm 2007, ông N2 chồng bà Đ đã giao đất và nhận đầy đủ các chế độ. Quyền sử dụng đất của ông N2 không còn, đất đã cấp cho Công ty Cổ phần đầu tư N. Nhưng căn cứ theo chỉ đạo của UBND tỉnh thì hỗ trợ bổ sung cho bà Đ là vợ của ông N2.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Phạm Thị Đ trình bày:

Quá trình bồi thường có sai sót. Năm 1991, ông N2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 61 với diện tích 1784m², loại đất thổ. Tuy nhiên, đến năm 1996 khi được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo mẫu của Trung ương thì thửa số 61 đổi thành thửa số 260 diện tích 2208m²

trong đó chỉ có 400m² đất thổ, còn lại là đất vườn, như vậy thiếu 1384m² đất thổ. Phòng Tài nguyên và Môi trường xác định việc xin điều chỉnh đất thổ. Căn cứ Nghị định 197 thì phải bồi thường tại thời điểm ban hành Quyết định. UBND huyện B cũng thừa nhận việc cấp nhầm đất vườn thành đất thổ nên ngày 24/3/2017 ban hành Quyết định số 2955/QĐ-UBND “Về việc hỗ trợ bổ sung từ đất vườn thành đất thổ đối với trường hợp của bà Phạm Thị Đ (vợ ông Nguyễn Văn N2 đã chết)” nhưng áp giá năm 2007 là không phù hợp. Quyết định số 2955/QĐ-UBND không đúng pháp luật. UBND huyện B phải bồi thường cho bà Đ. Đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến quan điểm của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

- *Về tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án của thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử công khai, đúng trình tự thủ tục tố tụng, các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

- *Về kháng cáo của UBND huyện B:* Sau khi trình bày nội dung vụ án, đánh giá các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm nêu quan điểm: Quyết định số 2955/QĐ-UBND “Về việc hỗ trợ bổ sung từ đất vườn thành đất thổ đối với trường hợp của bà Phạm Thị Đ (vợ ông Nguyễn Văn N2 đã chết)”, nguyên nhân do thời điểm cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ngày 20/5/1991, ông Nguyễn Văn N2 được UBND huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mẫu tỉnh Long An số 14042.CNĐĐ, trong đó có thửa số 61, tờ bản đồ số 2, diện tích 1784 m² đất, loại đất thổ. Đến ngày 05/01/1996 ông Nguyễn Văn N2 được cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo mẫu Trung ương thửa đất số 61 thành thửa 260, tờ bản đồ số 5, diện tích 2.208 m², loại đất thổ + vườn (trong đó gồm 400 m² đất thổ và 1808 m² đất vườn). Kết quả xác minh cũng thể hiện UBND huyện B cấp đổi nhầm đất thổ thành đất vườn. Năm 2007 khi thu hồi đất chỉ bồi thường 1384 m² đất vườn. Căn cứ vào Luật đất đai, Thông tư 37/2014/TT-BTNMT, Điều 39 của Nghị định 69, Điều 9 Nghị định 197 thì trong trường hợp bồi thường chậm do cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường gây ra mà giá đất tại thời điểm trả tiền bồi thường do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố cao hơn giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi thì bồi thường theo giá đất tại thời điểm trả tiền bồi thường. Quyết định số 2955 năm 2017 áp giá năm 2007 là không phù hợp, Quyết định dùng từ hỗ trợ là không phù hợp. Quyết định 6713 bác đơn của bà Đ gây thiệt hại cho bà Đ. UBND huyện B cho rằng ban hành Quyết định theo chỉ đạo của UBND tỉnh và ổn định tình hình chính trị tại địa phương là không đúng. Tòa án cấp sơ thẩm xử hủy Quyết định 2955 và

Quyết định 6713 là có căn cứ, đúng pháp luật. UBND huyện B đề nghị sửa án sơ thẩm, không chấp nhận đơn khởi kiện của bà Đ là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của UBND huyện B, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện:* Bà Phạm Thị Đ là người thừa kế quyền nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn N2 khởi kiện yêu cầu hủy các Quyết định số 4273/QĐ-UBND ngày 19/9/2007 của UBND huyện B về việc thu hồi đất ông Nguyễn Văn N2 để đầu tư xây dựng công trình khu dân cư đô thị sinh thái N tại xã A, Quyết định số 5187/QĐ-UBND ngày 22/9/2007 của UBND huyện B về việc phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về đất và tài sản trên đất của ông Nguyễn Văn N2; Quyết định số 2955/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 “Về việc hỗ trợ bổ sung từ đất vườn thành đất thổ đối với trường hợp của bà Phạm Thị Đ”; Quyết định số 6713/QĐ-UBND ngày 16/8/2017 “Về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị Đ” của Chủ tịch UBND huyện B; Yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện B ban hành quyết định bồi thường mới cho bà Đ theo đơn giá đất thực tế phù hợp với loại đất thu hồi tại thời điểm ban hành. Đây là các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai. Theo quy định tại Điều 116; Điều 30 và Điều 32 Luật tổ tụng hành chính, Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

Quyết định số 4273/QĐ-UBND ngày 19/9/2007, Quyết định số 5187/QĐ-UBND ngày 22/9/2007 của UBND huyện B đã được giao cho ông Nguyễn Văn N2 năm 2007 (việc này người khởi kiện bà Đ thừa nhận tại phiên tòa sơ thẩm). Sau khi nhận quyết định, ông N2 không có yêu cầu khiếu nại gì. Sau đó năm 2011 ông N2 có yêu cầu điều chỉnh diện tích đất vườn thành đất thổ tại thửa đất bị thu hồi là thửa số 260, tờ bản đồ số 5 cho đúng diện tích đất ở, ông N2 chết thì bà Đ tiếp tục yêu cầu khiếu nại về sai loại đất trong việc cấp đổi giấy chứng nhận nhận quyền sử dụng đất chứ không khiếu nại hay có yêu cầu gì đối với Quyết định thu hồi đất và quyết định bồi thường. Ngày 25/8/2017 bà Đ mới nộp đơn khởi kiện yêu cầu hủy 02 quyết định này là hết thời hiệu theo quy định tại Điều 116 của Luật tổ tụng hành chính. Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ vì hết thời hiệu khởi kiện là có căn cứ.

Quyết định số 2955/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 về việc hỗ trợ bổ sung từ phần đất vườn thành đất thổ đối với trường hợp của bà Phạm Thị Đ (vợ ông Nguyễn Văn N2 đã chết) và Quyết định số 6713/QĐ-UBND ngày 16/8/2017 về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị Đ. Ngày 25/8/2017 bà Đ nộp đơn khởi kiện 02 quyết định này là trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 116 của Luật tổ tụng hành chính.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của UBND huyện B đề nghị sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu của bà Đ.

[2.1] Ngày 20/5/1991, ông Nguyễn Văn N2 là chồng của bà Phạm Thị Đ được UBND huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mẫu tỉnh Long An số 14042.CNĐĐ, trong đó có thửa số 61, tờ bản đồ số 2, diện tích 1784 m² đất, loại đất thổ. Đến ngày 05/01/1996 ông Nguyễn Văn N2 được cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo mẫu Trung ương thửa đất số 61 thành thửa 260, tờ bản đồ số 5, diện tích 2.208 m², loại đất thổ + vườn (trong đó gồm 400 m² đất thổ và 1808 m² đất vườn) do UBND huyện B, Long An cấp.

[2.2] Ngày 19/9/2007, UBND huyện B ban hành Quyết định số 4273/QĐ-UBND về việc thu hồi đất ông Nguyễn Văn N2 để đầu tư xây dựng công trình khu dân cư đô thị sinh thái N tại xã A. Tổng diện tích thu hồi 12.047 m², gồm các thửa số 257,260,265,266, tờ bản đồ số 5, loại đất lúa, T+V (Trong đó có thửa số 260, diện tích 2.208 m², loại đất T+V).

[2.3] Ngày 22/9/2007, UBND huyện B ban hành Quyết định số 5187/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về đất và tài sản trên đất của ông Nguyễn Văn N2 với tổng số tiền là 1.163.792.967 đồng.

Sau khi có quyết định thu hồi đất và quyết định bồi thường, ông Nguyễn Văn N2 đồng ý nhận tiền và các chính sách tái định cư gồm 01 lô nền tái định cư, 03 lô nền ưu đãi, không có khiếu nại.

Sau đó, ông N2 xin điều chỉnh lại phần diện tích đất vườn sang đất thổ tại thửa số 260, tờ bản đồ số 05 cho đúng với phần diện tích đất ở ghi nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mẫu tỉnh Long An.

Tại biên bản "Kiểm tra xác minh sai sót trong quá trình thực hiện đo đạc, đăng ký và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" ngày 28/10/2011 (Bút lục số 31) thì có nội dung "Nay ông N2 xin điều chỉnh lại phần diện tích đất vườn sang đất thổ tại thửa số 260, tờ bản đồ số 05 cho đúng với phần diện tích đất ở ghi nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mẫu tỉnh Long An do ông đứng tên và cam kết không khiếu nại gì về bồi thường bổ sung quyền sử dụng đất phần diện tích vừa điều chỉnh và các chế độ hỗ trợ khác theo quy định trong khu dân cư đô thị sinh thái N....Kết luận và đề nghị: Qua xem xét thống nhất đề nghị

UBND xã A đề nghị Phòng Tài Nguyên và Môi trường điều chỉnh quyết định thu hồi đất số 4273/QĐ-UBND ngày 19/9/2007 của UBND huyện B tại thửa đất số 260, tờ bản đồ số 05 của ông Nguyễn Văn N2 với nội dung sau: Điều chỉnh quyết định thu hồi thửa đất số 260, tờ bản đồ số 260, tờ bản đồ số 05 từ diện tích 400 m² đất thổ và 1.808 m² đất trồng cây lâu năm thành 1.784 m² đất ở tại nông thôn và 424 m² đất trồng cây lâu năm.". Ông Nguyễn Văn N2 có ký tên vào biên bản.

Ông N2 chết năm 2013. Ngày 08/11/2013, bà Đ tiếp tục khiếu nại về việc sai loại đất trong việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất làm ảnh hưởng đến việc kê biên, bồi thường hỗ trợ tái định cư cho bà.

[2.4] UBND huyện B có văn bản số 1664/UBND-VP ngày 02/12/2015 trả lời cho bà Đ không thể thực hiện được vì thửa đất số 260, diện tích 2.208 m², loại đất T+V, trong đó gồm 400 m² đất thổ và 1.808 m² đất vườn đã được UBND huyện thu hồi từ năm 2007, ông N2 không còn quyền sử dụng đất nên không nằm trong quy định được chỉnh sửa sai sót.

Bà Đ ủy quyền cho con là Nguyễn Phước B tiếp tục khiếu nại văn bản số 1664/UBND-VP ngày 02/12/2015. UBND huyện B đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 2898/QĐ-UBND ngày 06/6/2016 bác đơn khiếu nại của ông Nguyễn Phước B, giữ nguyên văn bản số 1664/UBND-VP ngày 02/12/2015.

Ông Nguyễn Phước B chuyển sang tố cáo về trách nhiệm của Chủ tịch UBND huyện B.

Ngày 23/6/2016, Thanh tra tỉnh Long An làm việc cùng UBND huyện B về việc có liên quan, nội dung xác định yêu cầu của ông B là có cơ sở.

Ông Nguyễn Văn N2 (chết) và bà Phạm Thị Đ có các con chung là: Nguyễn Phước N3, Nguyễn Thúy K, Nguyễn Phước H và Nguyễn Phước B.

Theo giấy ủy quyền ngày 13/01/2017 thì bà Phạm Thị Đ, ông Nguyễn Phước N3, bà Nguyễn Thúy K, ông Nguyễn Phước H đã ủy quyền cho ông Nguyễn Phước B liên hệ UBND huyện B để giải quyết kiến nghị xem xét tổng giá trị hỗ trợ bổ sung phần chênh lệch đất vườn thành đất thổ.

[2.5] UBND tỉnh Long An có văn bản số 600/UBND-TCD ngày 16/01/2017 gửi Chủ tịch UBND huyện B, giao Chủ tịch UBND huyện B khẩn trương giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Phước B, giao UBND huyện B hỗ trợ bổ sung từ phần đất vườn thành đất thổ.

[2.6] UBND huyện B ban hành Quyết định số 2955/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 về việc hỗ trợ bổ sung từ phần đất vườn thành đất thổ đối với trường hợp của bà Phạm Thị Đ (vợ ông Nguyễn Văn N2 đã chết).

[2.7] Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định số 6713/QĐ-UBND ngày 16/8/2017 về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị Đ, bác đơn khiếu nại của bà Đ, lý do Quyết định số 2955/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 về việc hỗ trợ bổ sung từ phần đất vườn thành đất thổ đối với trường hợp của bà Phạm Thị Diệp (vợ ông Nguyễn Văn N2 đã chết) là đúng theo tinh thần chỉ đạo của UBND tỉnh Long An.

[2.8] Xét tính hợp pháp của Quyết định số 2955/QĐ-UBND và Quyết định số 6713/QĐ-UBND của UBND huyện B và Chủ tịch UBND huyện B:

[2.8.1] *Về hình thức và thẩm quyền ban hành quyết định:* UBND huyện B ban hành quyết định bồi thường bổ sung do thu hồi đất là đúng quy định về thẩm quyền và hình thức theo quy định của Luật đất đai năm 2013. Bà Đ khiếu nại và được Chủ tịch UBND huyện B giải quyết khiếu nại lần đầu là đúng quy định tại Điều 18, Điều 31 của Luật khiếu nại về thẩm quyền và hình thức.

[2.8.2] *Về trình tự thủ tục ban hành quyết định:* Quyết định số 2955/QĐ-UBND về việc hỗ trợ bổ sung đất vườn thành đất thổ cho bà Đ căn cứ vào kết quả xác minh loại đất là đúng trình tự thủ tục ban hành. Về quyết định giải quyết khiếu nại số 6713/QĐ-UBND được ban hành sau khi bà Đ có yêu cầu khiếu nại và đã được Chủ tịch UBND huyện B thụ lý yêu cầu khiếu nại, có tổ chức đối thoại với người đại diện theo ủy quyền của bà Đ, có tiến hành thanh tra, kiểm tra như vậy là đúng về trình tự thủ tục ban hành quyết định theo các Điều 27, 29, 30 của Luật khiếu nại.

[2.8.3] *Về nội dung của quyết định hành chính:*

Do thời điểm cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ mẫu giấy trắng sang giấy của Trung ương năm 1996 cho ông Nguyễn Văn N2 thì thửa đất số 61, tờ bản đồ số 2 diện tích 1784m² loại đất thổ được đổi thành thửa số 260, tờ bản đồ số 5, diện tích 2,208m², loại đất thổ vườn (trong đó đất thổ 400m², còn lại là đất vườn), kết quả xác minh thể hiện UBND huyện B đã cấp đổi nhầm một phần đất thổ thành đất vườn là 1384m². Do đó, năm 2007 khi thu hồi đất và bồi thường về giá trị quyền sử dụng đất thì UBND huyện B chỉ bồi thường 1384m² đất nêu trên theo giá đất vườn.

Căn cứ vào Luật đất đai năm 2013, khoản 3 Điều 34 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất: "Trường hợp đã có quyết định thu hồi đất và có phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 thì tiếp tục thực hiện theo phương án đã phê duyệt"; Khoản 1 Điều 14 Thông tư 37/2014/TT-BTNMT "Đối với dự án đầu tư đã có quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt

phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhưng đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 chưa thực hiện chi trả tiền bồi thường thì việc xử lý bồi thường chậm thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày 01 tháng 7 năm 2014"; Thông tư 33/2017/TT-BTNMT quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành luật đất đai, tại khoản 3 Điều 13 "Bãi bỏ ... Điều 14 của Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường."; Điều 39 của Nghị định 69/2009/NĐ-CP của Chính phủ quy định đối với dự án đầu tư đã có quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhưng đến trước ngày 01/7/2014 chưa thực hiện chi trả bồi thường thì việc xử lý bồi thường chậm thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày 01/7/2014; Điều 9 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 thì trong trường hợp bồi thường chậm do cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường gây ra mà giá đất tại thời điểm trả tiền bồi thường do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố cao hơn giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi thì bồi thường theo giá đất tại thời điểm trả tiền bồi thường.

Thực tế, ngày 19/9/2007, UBND huyện B ban hành Quyết định số 4273/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của ông Nguyễn Văn N2 và ngày 22/9/2007, UBND huyện B ban hành Quyết định số 5187/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về đất và tài sản trên đất của ông Nguyễn Văn N2 với tổng số tiền là 1.163.792.967 đồng trong đó có thửa số 260, đất thổ giá 150.000 đồng/ m²; đất vườn 100.000 đồng/m². UBND huyện B cũng đã bồi thường cho ông N2 diện tích 2.208m², loại đất thổ vườn (trong đó đất thổ 400m², còn lại là đất vườn). Do quá trình giải quyết xem xét khiếu nại của ông N2 và bà Đ thì UBND huyện B chấp nhận phần đất thổ thành đất vườn là 1384m² nhưng trước đó chỉ bồi thường 1384m² đất vườn. UBND huyện B đã chấp nhận hỗ trợ bổ sung chênh lệch giá đất thổ và đất vườn cho phần diện tích chênh lệch 1384m² là 69.200.000 đồng, hỗ trợ tái định cư nền ưu đãi giá 85.000.000 đồng, tổng cộng là 154.200.000 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng UBND huyện B có lỗi trong việc chậm trả tiền bồi thường cho bà Đ, giá đất tại thời điểm trả tiền bồi thường do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố cao hơn giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi nên phải bồi thường theo giá đất tại thời điểm trả tiền bồi thường là chưa chính xác vì khi nhận được giấy chứng nhận cấp năm 1996, ông N2 không có khiếu nại, tổng diện tích được sử dụng là 12.047 m² (trong đó diện tích thửa 257 diện

tích 1.832 m² đất lúa; thửa 260 diện tích 1.808 m² đất vườn, 400 m² đất thổ; thửa 265 diện tích 3.623 m² đất lúa; thửa 266 diện tích 4.384 m² đất lúa). Diện tích được công nhận trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/5/1991 (thửa 61 diện tích 1.784 m²; thửa 64 diện tích 7.576 m²; thửa 52 diện tích 4.632 m²). Diện tích đất có chênh lệch là do đo đạc năm 1991 chưa chính xác, cấp đại trà, sau khi cấp lại năm 1996 thì UBND tiến hành đo đạc lại. Việc cấp đất ở là theo hạn mức đất ở do UBND tỉnh thống nhất quy định phù hợp tình hình tại địa phương.

Quyết định số 2955/QĐ-UBND và Quyết định số 6713/QĐ-UBND của UBND huyện B và Chủ tịch UBND huyện B ban hành đúng quy định pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm thủ tục tố tụng là không đưa đầy đủ những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn N2 (chết) vào tham gia tố tụng. Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm. Do Quyết định số 2955/QĐ-UBND và Quyết định số 6713/QĐ-UBND của UBND huyện B và Chủ tịch UBND huyện B ban hành đúng quy định pháp luật, đảm bảo quyền lợi của bà Đ cho nên việc không đưa đầy đủ những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn N2 (chết) vào tham gia tố tụng không ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án. Yêu cầu khởi kiện của bà Đ là không có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của UBND huyện B, sửa bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí: Do sửa án nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm. Người khởi kiện là người cao tuổi nên được miễn án phí sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30, 32, 116, Khoản 2 Điều 241 của Luật tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện B. Sửa bản án sơ thẩm số 95/2018/HC-ST ngày 19 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Đ về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 4273/QĐ-UBND ngày 19/9/2007 và Quyết định số 5187/QĐ-UBND ngày 22/9/2007 của Ủy ban nhân dân huyện B.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Đ về việc yêu cầu hủy Quyết định số 2955/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc hỗ trợ bổ sung từ phần đất vườn thành đất thổ đối với trường hợp của bà Đ và Quyết định số 6713/QĐ-UBND ngày 16/8/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị Đ.

Về án phí hành chính sơ thẩm: Bà Phạm Thị Đ được miễn án phí. Bà Đ được nhận lại số tiền tạm ứng án phí bà Đ đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009863 ngày 02/10/2017 của Cục thi thành án dân sự tỉnh Long An.

Về án phí hành chính phúc thẩm: UBND huyện B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001356 ngày 21/5/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại thành phố Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh Long An (1);
- VKSND tỉnh Long An (1);
- Cục THADS tỉnh Long An (1);
- Các đương sự (5);
- Lưu: hồ sơ (1), VP(3), 14b (TPQ);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)**

Đinh Ngọc Thu Hương